

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS – ST.

Ngày: 31/01/2019.

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản và mua bán tài
sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Huân**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Trường;**

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Văn Thị Thanh H**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng “có mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Dương Đình N**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 12/5/2017 “có mặt”.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Dương Công T**, sinh năm 1964, bà **Phan Thị Mai P**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng “vắng mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Lê Xuân T**, Văn phòng Luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 22/01/2019 có Thông báo số 01/TB-VPLS về việc chấm dứt bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn ông Dương Đình N thì: Do quen biết nhau nên bà Văn Thị Thanh H đã cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P vay tiền nhiều lần, đến nay vợ chồng ông T, bà P còn nợ bà H 690.000.000đ gồm các lần vay cụ thể như sau:

Ngày 29/10/2016 âm lịch bà H cho ông T, bà P vay 80.000.000đ, sau đó ông T bà P trả được 50.000.000đ còn nợ 30.000.000đ.

Ngày 30/12/2016 dương lịch bà H cho ông T, bà P vay 40.000.000đ.

Ngày 03/3/2017 bà H cho ông T, bà P vay 300.000.000đ, ngày vay này ông T, bà P có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 134756 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp quyền sử dụng đất cho ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P ngày 26/9/2013.

Ngày 16/3/2017 bà H cho ông T, bà P vay 140.000.000đ nhưng trong ngày 16/3/2017 ông T, bà P có trả được cho bà H 100.000.000đ.

Ngày 10/4/2017 bà H cho ông T, bà P vay 130.000.000đ.

Ngày 16/4/2017 bà H cho ông T, bà P vay 150.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng các khoản bà H cho ông T, bà P vay là 690.000.000đ, do ông T bà P không trả nợ theo thỏa thuận nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền trên, bà H không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà H không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07/7/2017, biên bản hòa giải ngày 25/10/2017 và đơn phản tố, bị đơn bà Phan Thị Mai P trình bày: Bà P thừa nhận bà có vay tiền các lần như bà H trình bày, tổng cộng bà P vay của bà H là 690.000.000đ nhưng số tiền này không liên quan đến ông Dương Công T vì bà vay mượn làm ăn riêng, chồng bà không biết nhưng sau đó bà H yêu cầu chồng bà ký vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên, đến ngày 22/3/2017 bà H đã cân của bà 13.590kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ giá 45.000đ/01kg thành tiền là 611.550.000đ nên bà yêu cầu căn trừ số cà phê này vào số tiền 690.000.000đ, sau khi căn trừ thì bà chỉ còn nợ bà H 78.450.000đ nên bà chỉ đồng ý trả 78.450.000đ và yêu cầu bà H phải trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 134756 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 26/9/2013 cho ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P. Ngoài ra, bà còn trả lãi cho bà H nhiều lần nhưng bà đã trả xong lãi dứt điểm nên bà không có yêu cầu gì về việc trả lãi. Ngoài ra bà P không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hương, buộc bà P phải trả cho bà H số tiền 390.000.000đ và buộc ông T cùng với bà P phải trả cho bà H số tiền 300.000.000đ. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà P, buộc bà H phải trả cho bà P giá trị 3.590kg

cà phê nhân loại Rôbusta. Buộc bà Hương phải trả lại cho ông T, bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về chi phí giám định buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Về án phí buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P vẫn vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà P đã có văn bản chấm dứt việc bảo vệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc bà H cho vợ chồng ông T, bà P vay tiền. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông T, bà P không thực hiện nghĩa vụ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà P phải trả cho bà H số tiền 690.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Vì vậy, Tại thông báo thụ lý vụ án số 101/TB-TLVA ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Đòi lại tài sản*”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã xuất trình các tài liệu chứng cứ thể hiện, ngoài việc vay tiền các bên còn có việc mua bán tài sản và chưa hết thời hiệu khởi kiện. Nay cần xác định lại quan hệ tranh chấp cho chính xác là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua yêu cầu của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn xuất trình thì Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 29/10/2016, bà H có cho bà P vay 80.000.000đ, bà P trả được 50.000.000đ còn nợ 30.000.000đ; ngày 30/12/2016 đương lịch bà H cho bà P vay 40.000.000đ (BL21); ngày 03/3/2017, bà H cho ông T, bà P vay 300.000.000đ (BL23); ngày 16/3/2017, bà H cho bà P vay 140.000.000đ, bà P có trả được cho bà H 100.000.000đ còn nợ lại 40.000.000đ (BL24); ngày 10/4/2017, bà H cho bà P vay 130.000.000đ (BL22); ngày 16/4/2017, bà H cho bà P vay 150.000.000đ (BL24). Như vậy, tổng cộng bà H cho ông T, bà P vay 690.000.000đ; bà P cũng thừa nhận đã vay của bà H số tiền là 690.000.000đ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình.

Tuy nhiên, bà P cho rằng: Trong quá trình vay của bà H tổng số tiền là 690.000.000đ thì bà H có cân của bà P 13.590kg (BL101) cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá là 45.000đ/01kg thành tiền 611.550.000đ. Sau khi cân trừ đi thì bà P xác định chỉ còn nợ bà H 78.450.000đ nên bà chỉ đồng ý trả

cho bà H số tiền 78.450.000đ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận đã nhận của bà P 3.590kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ chứ không phải là 13.590kg như bà P trình bày. Chữ số “1” viết trước dãy số 3.590kg là do bà P viết thêm nên bà H yêu cầu giám định. Tại kết luận giám định số 618/GĐ-PC54 ngày 04/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận số “1” được viết thêm, không đủ cơ sở do ai viết ra và phần chữ có sự sửa chữa. Sau khi có kết quả giám định thì vợ chồng ông T, bà P có đơn đề nghị hoãn phiên tòa để yêu cầu Bộ quốc phòng giám định lại. Tại kết luận giám định số 307/GĐKTHS-P11 ngày 02/11/2018 của Bộ quốc phòng kết luận số “1” trước dãy số “13590” viết chèn điền thêm, không đủ cơ sở do ai viết ra. Như vậy, tài liệu chứng cứ do bà P xuất trình có sự sửa chữa và viết thêm nên không có căn cứ cho rằng bà H đã nhận của bà P 13.590kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ như bà P trình bày nên chỉ chấp nhận một phần phần tố của bị đơn đã giao cho nguyên đơn 3590kg x 45.000đ/1kg để khấu trừ vào khoản tiền vay. Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý khấu trừ số cà phê mà bà H đã nhận của bà P là 3590kg x 45.000đ/1kg = 161.550.000đ, còn lại 528.450.000đ yêu cầu vợ chồng ông T bà P phải có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với nghĩa vụ trả nợ thì bà P cho rằng tất cả các khoản vay trên là khoản vay của riêng bà P không liên quan đến ông T nên ông T không có nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 03/3/2017 thì cả ông T, bà P vay ký nhận nợ 300.000.000đ của bà H. Còn các khoản khác do bà P ký nhận nợ với bà H tuy ông T không ký giấy nhận nợ nhưng ông T có biết việc bà P vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chứ không phải vay tiền sử dụng vào mục đích phi pháp. Hơn nữa, sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì cả ông T và bà P có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để giám định lại, điều đó thể hiện ông T có biết việc bà P nợ tiền của bà H nhưng không phản đối, tại đơn phản tố (BL62) bà P thừa nhận là vợ chồng tôi có vay của bà H số tiền này trước ngày 22/3/2017. Mặt khác khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc vợ chồng ông T bà P cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Đối với việc vợ chồng ông T, bà P yêu cầu bà H phải trả lại cho ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 134756 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 26/9/2013 cho ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P. Xét thấy, việc bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà P không được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên cần buộc bà H có trách nhiệm giao trả cho ông T, bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 134756 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 26/9/2013 là phù hợp.

[4] *Về án phí*: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.138.000đ trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Xét thấy việc giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Số tiền nguyên đơn đã nộp là 5.070.000đ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền giám định là phù hợp. Đối với số tiền bị đơn đã nộp 8.000.000đ, chi phí cho việc giám định lại là 2.722.000đ buộc bị đơn phải chịu. Còn lại 5.278.000đ hoàn trả lại cho bị đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Thanh H về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P.

Chấp nhận một phần phản tố của bà Phan Thị Thanh Hương về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bà Văn Thị Thanh H.

Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải có nghĩa vụ trả cho bà Văn Thị Thanh H số tiền là 528.450.000đ (năm trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Văn Thị Thanh H có trách nhiệm giao trả cho ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 134756 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 26/9/2013 mang tên ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải chịu 25.138.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm mười tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 14.231.000đ (Mười bốn triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000455 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Buộc ông T, bà P phải nộp tiếp 10.907.000đ (Mười triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Văn Thị Thanh H số tiền 15.800.000đ (Mười lăm triệu tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002990 ngày 30/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải hoàn trả cho bà Văn Thị Thanh H 5.070.000đ (năm triệu không trăm bảy

mười ngàn đồng) chi phí giám định. Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải chịu 2.722.000đ (đã nộp đủ).

Trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Huân